

Số: 84 /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
*(V/v: Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội)*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông SHB – phiên họp thường niên lần thứ 30 và nhiệm kỳ 2022-2027;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội đã được ban hành kèm theo Quyết định số 82/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành mới Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (Quy chế kèm theo Quyết định này).
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 111/QĐ-HĐQT ngày 07/05/2022 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) “V/v: Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội”.
- Điều 3.** Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc/Người Phụ trách điều hành, Văn phòng Hội đồng Quản trị, Phụ trách các đơn vị liên quan và toàn thể cổ đông của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Thành viên HĐQT, BKS (để biết);
- Lưu VT, VP HĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Quang Hiến

QUẢN LÝ VĂN BẢN**Văn bản bị thay thế:**

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Thẩm quyền ban hành
Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	111/QĐ-HĐQT	07/05/2021	Hội đồng Quản trị

TÀI LIỆU LIÊN QUAN**Tài liệu bên ngoài:**

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành
Luật Các tổ chức tín dụng	47/2010/QH12	16/06/2010	Quốc hội
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng	17/2017/QH14	20/11/2017	Quốc hội
Luật Doanh nghiệp	59/2020/QH14	11/06/2020	Quốc hội
Luật Chứng khoán	54/2019/QH14	26/11/2019	Quốc hội
Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chính phủ
Thông tư quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	13/2018/TT-NHNN	18/05/2018	NHNN
Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	116/2020/TT-BTC	31/12/2020	Bộ Tài chính
Thông tư hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	96/2020/TT-BTC	11/16/2020	Bộ Tài chính

Tài liệu nội bộ:

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành
Quyết định V/v: Ban hành Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	82/2022/QĐ-HĐQT	04/05/2022	HĐQT
Quyết định V/v: Ban hành Quy chế Nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	83/QĐ-HĐQT	04/05/2022	HĐQT

MỤC LỤC:

CHƯƠNG I	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức hoạt động	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ	3
CHƯƠNG II	4
Điều 4. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị	4
Điều 5. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị	5
Điều 6. Thể thức họp Hội đồng Quản trị	6
Điều 7. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	8
Điều 8. Chế độ làm việc thường trực của một số thành viên Hội đồng Quản trị	10
Điều 9. Chế độ thông tin báo cáo	10
CHƯƠNG III	11
Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị	11
Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	13
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 13. Nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 14. Công khai các lợi ích có liên quan.....	15
Điều 15. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
CHƯƠNG IV	17
Điều 16. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 17. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	18
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 19. Đình chỉ, tạm đình chỉ.....	19
Điều 20. Đương nhiên mất tư cách.....	20
Điều 21. Bãi nhiệm, miễn nhiệm	20
Điều 22. Quy trình thủ tục bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	22
CHƯƠNG V	22
Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	22
Điều 24. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành	23
Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	23
CHƯƠNG VI	23
Điều 26. Điều khoản thi hành	23

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI**

*(Ban hành theo Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 05 năm 2022 của
Hội đồng Quản trị)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:
 - a) Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB);
 - b) Chế độ làm việc, cơ chế phối hợp, thông tin báo cáo giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;
 - c) Tổ chức và hoạt động của các bộ phận giúp việc Hội đồng Quản trị.
2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng thống nhất trong mọi hoạt động của Hội đồng Quản trị SHB.

Điều 2. Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức hoạt động

1. HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng SHB, có toàn quyền nhân danh SHB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SHB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và Ban Kiểm soát.
2. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc mình được phân công thực hiện và cùng chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước ĐHĐCĐ về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Ngân hàng.
3. HĐQT sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a) Ngân hàng/SHB: là Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội hay SHB.
 - b) Quản trị ngân hàng: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Ngân hàng được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Ngân hàng.

- c) Người có liên quan: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Ngân hàng nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều lệ SHB và các quy định của pháp luật có liên quan.
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.
 - e) ĐHĐCĐ: là Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng.
 - f) Điều lệ hoặc Điều lệ Ngân hàng: là điều lệ của SHB được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - g) HĐQT: là Hội đồng Quản trị Ngân hàng SHB.
 - h) Tổng Giám đốc hoặc TGD: là Tổng Giám đốc Ngân hàng SHB.
 - i) Ban Kiểm soát hoặc BKS: là Ban Kiểm soát Ngân hàng SHB.
2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Ngân hàng cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng .

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị SHB có tối thiểu 05 thành viên và tối đa 11 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Trường hợp cổ đông nước ngoài tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - a) Tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Điều lệ SHB và của pháp luật có liên quan;
 - b) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của SHB;
 - c) Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SHB;
 - d) Không làm thành viên Hội đồng Quản trị quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam
 - e) Các quy định pháp luật có liên quan khác.
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.
6. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của SHB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
7. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký, trợ lý Hội đồng quản trị hoặc Văn phòng Hội đồng Quản trị, sau đây gọi tắt là Bộ máy giúp việc cho Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.
8. Hội đồng quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:
 - a) Hội đồng quản trị phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 thành viên gồm trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được là trưởng ban của một Ủy ban, Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b) Hội đồng quản trị quy định quy chế làm việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban trên và các Ủy ban, Hội đồng khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản thông qua Phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc lấy ý kiến thông qua hình thức khác tương đương đối với từng vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

2. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu biểu quyết tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết của thành viên trực tiếp dự họp và phiếu biểu quyết của thành viên không trực tiếp dự họp mà biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
3. Đối với trường hợp thông qua quyết định lấy ý kiến bằng văn bản thông qua Phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc lấy ý kiến thông qua hình thức khác tương đương đối với từng vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 6. Thể thức họp Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của SHB hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể bằng hình thức họp mặt, hoặc họp qua điện thoại (teleconference) hoặc họp qua video (video conference) hoặc các hình thức họp khác.
2. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Cuộc họp Hội đồng quản trị này sẽ bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ SHB và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch phải triệu tập

họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SHB; người đề nghị tại Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại SHB. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một ngày làm việc trước ngày họp bằng các hình thức điện thoại, tin nhắn...ngoài các hình thức nêu trên; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp.
6. Việc tham dự họp qua Teleconference hoặc qua Video Conference được coi là trực tiếp dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp bao gồm cả trường hợp trực tiếp dự họp, ủy quyền dự họp và gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
7. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
9. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác nhau. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp; thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản và các thành viên trực tiếp dự họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị. Trường hợp họp qua teleconference hoặc videoconference thì trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày họp, tất cả các thành viên dự họp phải ký trực tiếp vào Biên bản họp.
 - Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 - Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.

Điều 7. Thẻ thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

- Trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
- Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả hình thức gửi thư điện tử tới các địa chỉ thư điện tử của các thành viên).
- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của SHB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SHB;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về SHB theo quy định của SHB.
5. Bộ máy giúp việc cho hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập có quyền lợi liên quan. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SHB;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua Phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc lấy ý kiến thông qua hình thức khác tương đương đối với từng vấn đề phát sinh trong

hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 8. Chế độ làm việc thường trực của một số thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ thường trực (có mặt thường xuyên để kịp thời theo dõi và giải quyết công việc) để thực hiện chức năng quản trị Ngân hàng, xử lý công việc hàng ngày theo thẩm quyền quy định. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT có thể cử các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ thường trực.
2. Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT giải quyết một số công việc có tính chất thường xuyên, hàng ngày thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
3. Các vấn đề đã được Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT quyết định, thông qua giữa các kỳ/phiên họp phải được ghi nhận bằng văn bản và phải báo cáo lại cho Hội đồng Quản trị trong phiên họp gần nhất.

Điều 9. Chế độ thông tin báo cáo

1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo của Hội đồng Quản trị là Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc được uỷ quyền có trách nhiệm gửi báo cáo cho Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động của SHB theo yêu cầu công tác quản trị của Hội đồng Quản trị. Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị có trách nhiệm sao gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị những thông tin theo yêu cầu công tác quản trị Ngân hàng.
3. Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc được uỷ quyền có trách nhiệm thường xuyên trao đổi và gửi báo cáo hàng ngày (nếu cần) hoặc hàng tuần về tình hình hoạt động của SHB cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý các đơn vị trong SHB cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của SHB cũng như của từng đơn vị trong Ngân hàng. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
5. Tất cả các báo cáo chính thức gửi Hội đồng Quản trị phải có chữ ký và ghi rõ tên của người có trách nhiệm và được bảo quản như tài liệu mật của SHB. Các văn bản của Tổng Giám đốc gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng theo yêu cầu hợp pháp của các cơ quan đó đều phải đồng thời gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

6. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị phải tuân thủ việc bảo quản hồ sơ và bảo vệ thông tin theo quy định của Pháp luật và của SHB.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ, NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều lệ SHB.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc/Phó Giám đốc các Chi nhánh/Công ty con, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc các đơn vị trực thuộc HĐQT, và các chức danh khác theo quy định của Hội đồng Quản trị.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của SHB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua bán tài sản của SHB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản của SHB quy định tại Điểm o Khoản 1 Điều 32 Điều lệ SHB.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Điều 128, Luật các Tổ chức Tín dụng về giới hạn cấp tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 32 Điều lệ SHB.
9. Thông qua các hợp đồng của SHB với công ty con, công ty liên kết của SHB; các hợp đồng của SHB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của SHB. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

11. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SHB phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SHB.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
14. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
15. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
16. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
17. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SHB.
18. Quyết định mua lại cổ phần của SHB.
19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
20. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
21. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
22. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
24. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán đối với SHB.
25. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước những thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
26. Hội đồng quản trị được sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
27. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
28. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị quyết định và thực hiện một hoặc một số các nhiệm vụ nêu tại Điều này. Các vấn đề ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
29. Những vấn đề sau phải được Hội đồng Quản trị thông qua và không được áp dụng cơ chế ủy quyền quy định tại Khoản 28 Điều này:

- a) Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SHB;
- b) Các khoản đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% kế hoạch tài chính ghi trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ quy định tại Khoản 5, Điều 42 Điều lệ SHB.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
 - g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h) Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung;
 - i) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
 - j) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ SHB và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác quản trị SHB theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.
2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng các quy chế, quy định của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của SHB và cổ đông.
3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành SHB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Tham gia biểu quyết để bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định của pháp luật.
6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định của pháp luật.
7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.
8. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
9. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
10. Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc những người quản lý khác của SHB cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của SHB và của các đơn vị, Công ty con của SHB. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có các nghĩa vụ sau:

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI**

- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ SHB, quy chế này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có liên quan.
 - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích hợp pháp tối đa của SHB và cổ đông SHB;
 - c) Trung thành với lợi ích của SHB và cổ đông của SHB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SHB, hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SHB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân.
 - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SHB về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của SHB.
 - e) Công bố cho SHB các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà mình là người đại diện phần vốn góp của SHB.
 - f) Khi thực hiện giao dịch cổ phần của SHB phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
 - g) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với SHB hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của SHB.
 - h) Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SHB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của SHB.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, thù lao, yêu cầu trả thưởng khi SHB bị lỗ.
 3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của SHB phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 4. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ SHB và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các thông tin sau đây với SHB:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
 - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
2. Việc công khai các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích

- liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo bằng văn bản với SHB trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- SHB phải công khai các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được công khai lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.
 - SHB phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày SHB nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.
 - Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của SHB đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đại đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về SHB.

Điều 15. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc làm việc tại các Ủy ban, tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí trong việc tới dự các phiên họp Hội đồng Quản trị, các Ủy ban, tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Các khoản chi phí này được tính vào chi phí hoạt động của SHB.
- Thù lao của Hội đồng Quản trị tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ SHB từng thời kỳ; được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẦU, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM CHỨC DANH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị

1. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án, đang có án tích;
3. Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
4. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp 50% vốn sở hữu nhà nước trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại SHB;
5. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại SHB;
6. Đã từng bị SHB xử lý kỷ luật với hình thức sa thải theo đúng quy định của pháp luật;
7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của SHB theo quy định tại Điều 37 Luật các TCTD hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc SHB bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc SHB bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 17. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Hội đồng quản trị của SHB:

1. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của SHB; Không được đồng thời là thành viên của Hội đồng Quản trị của quá 05 Công ty khác;
2. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng đó là Công ty con của SHB;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị của SHB không được đồng thời là người điều hành của SHB và của tổ chức tín dụng khác;
4. Chủ tịch hội đồng quản trị của SHB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định .
 - b) Thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 16, Điều 17 của Quy chế này;
 - c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 13, Điều 14 của Quy chế này;
 - d) Có bằng đại học trở lên;
 - e) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ngoài những tiêu chuẩn tại khoản 1 nêu trên, còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho SHB hoặc Công ty con của SHB hoặc đã làm việc cho SHB hoặc Công ty con của SHB bất kỳ thời gian nào trong 03 năm liền kề trước đó;
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SHB ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị
 - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của SHB, người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của SHB hoặc Công ty con của SHB;
 - d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB;
 - e) Không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB.
 - f) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.

Điều 19. Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. Trường hợp SHB bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết.
2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị vi phạm quy định tại Điều 15 Quy chế này, quy định tại Điều lệ SHB và/hoặc các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này nếu xét thấy cần thiết.
3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của SHB có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của SHB hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 20. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b) Vi phạm quy định tại Điều 16 Quy chế này;
 - c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà người đó là đại diện vốn góp chấm dứt;
 - d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - e) Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) SHB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Sau khi SHB bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) về Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được bầu kèm theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của SHB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 21. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của SHB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- b) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 Quy chế này;
 - c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của SHB;
 - d) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
 - e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
 - f) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - g) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 13, Điều 14 Quy chế này;
 - h) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm các quy định tại Điều lệ của SHB và/hoặc các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao gây thiệt hại cho SHB.
 - i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị SHB phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
 4. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế.
 5. Sau khi SHB bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) về Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được bầu kèm theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 6. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
 7. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của SHB sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của SHB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

8. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y của những người bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 1 điều này đương nhiên hết hiệu lực.
9. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ SHB. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo Quy định tại Điều lệ và các quy định có liên quan của SHB.
 - c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 22. Quy trình thủ tục bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

Quy trình thủ tục bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công;
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ SHB và Quy chế này;
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao phải lập thành biên bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc/Người phụ trách điều hành Ngân hàng và Ban điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp làm việc. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị số 111/QĐ-HĐQT ngày 07/05/2021.
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Điều lệ SHB, các quy định khác của SHB và pháp luật có liên quan. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của SHB thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông phân công/chấp thuận.



Đỗ Quang Hiến